

## BÁO CÁO CẬP NHẬT NGẮN KQKD Q3/2024

CTCP TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC | CMG (HOSE)

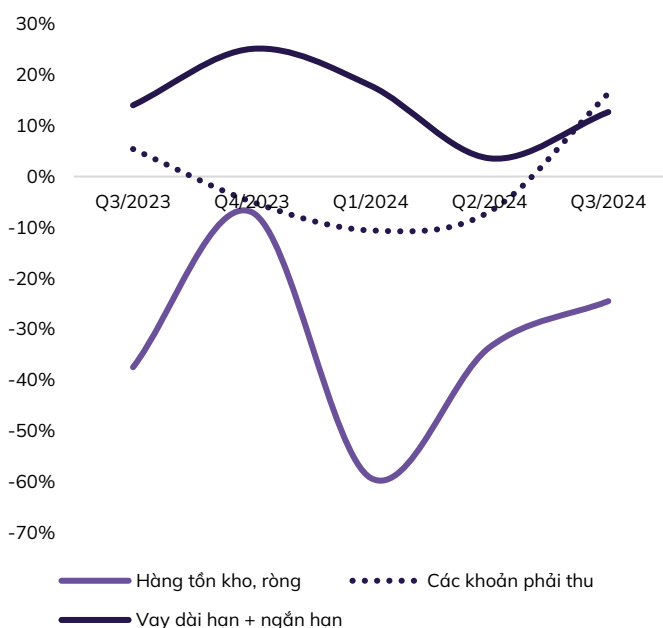
Ngày 11/12/2024

Analyst: Bùi Minh Anh

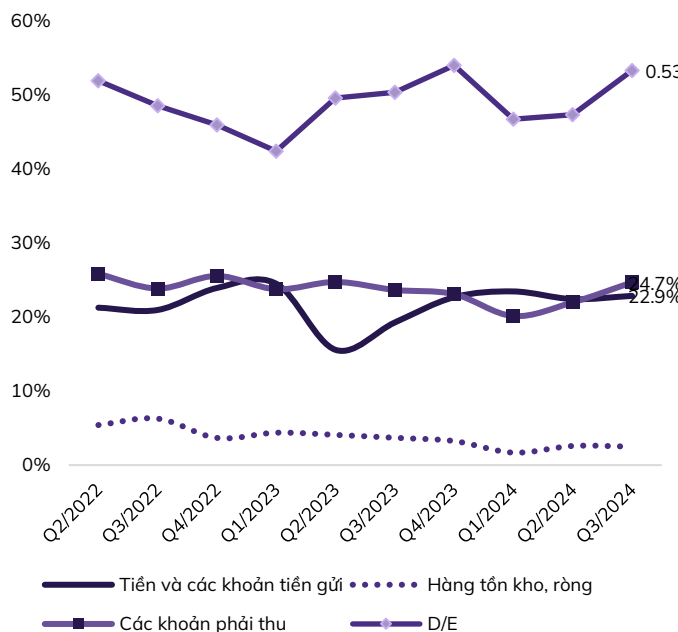
Kết quả kinh doanh tóm tắt	Q2/2024	Q2/2023	%svck	6T2024	6T2023	%svck	Nhận xét
<b>Doanh thu thuần</b>	2,184.5	1,785.7	22.3%	3,978	3,557.2	11.8%	<ul style="list-style-type: none"> <li>Kết thúc Q2 năm tài chính 2024 (tương đương Q3/2024), hoạt động kinh doanh chính của CMG đem về kết quả tốt.</li> <li>Cụ thể, doanh thu thuần của CMG tăng trưởng tốt +22,3% svck nhờ tăng lợi nhuận từ dự án mới "Không gian sáng tạo CMC tại TP. HCM và tăng trưởng lợi nhuận từ đầu tư vào công ty con và công ty liên kết trong các Khối giải pháp công nghệ và Khối hạ tầng số.</li> <li>Tuy nhiên các khoản mục chi phí chiếm tỷ trọng lớn khiến lợi nhuận doanh nghiệp bị ảnh hưởng. Giá vốn hàng bán tăng cao +26% svck khiến biên LN gộp bị giảm -2,5 điểm phần trăm.</li> <li>Chi phí bán hàng &amp; QLDN của CMG đạt 257,6 tỷ đồng (+5,2% svck), chiếm 78,5% lợi nhuận gộp do đó LNST bị ảnh hưởng đáng kể, đạt 61,1 tỷ đồng (-9,6% svck).</li> <li>Doanh thu hoạt động tài chính giảm -8,4% chủ yếu do trong kỳ giảm lãi tiền gửi là -9,8%. Ngoài ra chi phí tài chính giảm 8,2% do lãi vay (chiếm 79%) giảm -29,8% svck.</li> <li>Kết thúc 6T2024, CMG lần lượt hoàn thành 45% kế hoạch doanh thu thuần và 43,2% kế hoạch LNST.</li> </ul>
<b>Lợi nhuận gộp</b>	327.9	312.9	4.8%	667.4	617.5	8.1%	
<i>Biên lợi nhuận gộp (%)</i>	15.0%	17.5%		16.8%	17.4%		
<b>Chi phí bán hàng</b>	(131.3)	(117.2)	12.1%	(251.5)	(216.6)	16.2%	
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	(126.3)	(127.5)	-1%	(243.3)	(234.5)	3.7%	
<i>Chi phí BH&amp;QLDN/DTT</i>	-11.8%	-13.7%		-12.4%	-12.7%		
<b>Doanh thu hoạt động tài chính</b>	33.9	37	-8.4%	60.5	64	-5.5%	
<b>Chi phí tài chính</b>	(25.6)	(27.9)	-8.1%	(49.1)	(53.7)	-8.5%	
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	(20.3)	(29)	-29.8%	(38.5)	(49.4)	-22.1%	
<b>Lãi/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh</b>	88.7	88.9	-0.2%	203.1	197.5	2.8%	
<b>Lãi/(lỗ) ròng trước thuế</b>	88.9	88	1%	201.4	197.6	1.9%	
<b>LNST cổ đông công ty mẹ</b>	61.1	67.5	-9.6%	144.3	151.4	-4.7%	
<i>Biên lợi nhuận ròng (%)</i>	2.8%	3.8%		3.6%	4.3%		

Nguồn: CMG, FiiProX, ABS Research

Tăng trưởng các hạng mục (% svck)

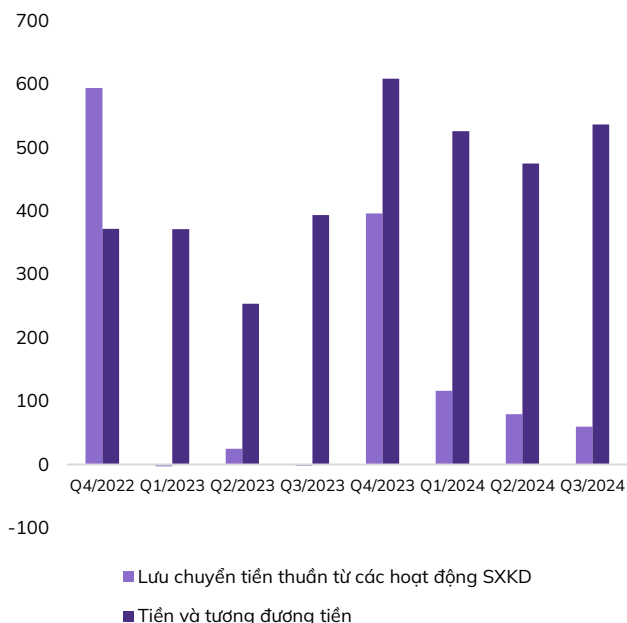


Tỷ trọng các hạng mục so với tổng tài sản (%)



Nguồn: CMG, ABS Research

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ đồng)



Nhận xét

- **Lượng tiền và các khoản tiền gửi** chiếm 23% TTS, đạt 1.760 tỷ đồng (+8,4% so với đầu năm) trong đó khoản tiền gửi ngắn hạn đạt 1223,7 tỷ, tăng +10%.
- **Các khoản phải thu (chiếm 24,7% TTS) tăng +43,3%** do phải thu từ các khách hàng chiếm 90% tăng +39,7% so với đầu năm. Vòng quay khoản phải thu luôn duy trì ở mức ổn định là 322 ngày. Chúng tôi đánh giá khoản mục này không quá rủi ro khi CMG luôn có dòng tiền CFO duy trì dương qua các năm, trong Q2/2024 đạt 59,5 tỷ đồng, lũy kế 6T2024 đạt 139 tỷ đồng, tăng gấp 6 lần so với cùng kỳ cùng với lượng tiền mặt dồi dào, luôn chiếm trên 20% TTS.
- Trong kỳ, công ty ghi nhận tăng chi phí xây dựng cơ bản dở dang ở 2 dự án “Không gian sáng tạo CMC” số 1 và dự án Starlake với tổng mức giá trị là 850 tỷ đồng (+12,2% so với đầu năm). Ngoài ra, trong ĐHCĐ 2024 cũng đã thông qua dự án Trung tâm dữ liệu siêu quy mô (DC Hyperscale) với tổng mức đầu tư là 7.677 tỷ đồng, trong đó 20% vốn từ chủ sở hữu và 80% là vốn huy động với mục đích xây dựng trung tâm hạ tầng dữ liệu, hệ sinh thái công nghệ Cloud, AI, Big Data,...Dự kiến dự án sẽ được thực hiện trong giai đoạn 2025 - 2029.
- **Nợ vay tăng mạnh** với tổng nợ vay đạt 1.837,6 tỷ đồng (+17,3% svck, chiếm 24% tổng nguồn vốn) trong đó nợ vay dài hạn tăng mạnh +41% lên mức 940 tỷ đồng chủ yếu do công ty tăng vay ngân hàng. Tỷ lệ D/E tăng lên mức 0,53 lần trong Q2/2024, cao nhất kể từ Q4/2021 tuy nhiên vẫn ở trong mức an toàn.

Nguồn: CMG, ABS Research

**Đánh giá và Khuyến nghị**

- Kết quả trong Q2/2024 đạt được thấp hơn so với dự phóng của chúng tôi do công ty vẫn chưa tiết giảm được các khoản chi phí (thường chiếm tỷ trọng lớn so với LN gộp) khiến lợi nhuận của công ty bị ảnh hưởng. Ngoài ra trong kỳ công ty tăng nợ vay đáng kể, do đó chúng tôi hạ dự phóng với LNST cổ đông công ty mẹ 2024F là 320 tỷ đồng (-11,9% so với dự phóng trước đó của chúng tôi). EPS và BVPS 2024F ước tính là 1.681 đồng/cp và 15.359 đồng/cp. ROE 2024F dự kiến đạt 10,9%.

PHỤ LỤC: BẢNG KQKD VÀ CHỈ SỐ TÀI CHÍNH CỦA CMG

Báo cáo KQ HKKD (Tỷ đồng)	2020	2021	2022	2023
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>4,924</b>	<b>5,846</b>	<b>7,609</b>	<b>7,505</b>
Giá vốn hàng bán	(3,999)	(4,810)	(6,189)	(6,127)
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>925</b>	<b>1,036</b>	<b>1,419</b>	<b>1,377</b>
Doanh thu tài chính	96	87	90	127
Chi phí tài chính	(83)	(70)	(106)	(122)
Chi phí bán hàng	(381)	(411)	(542)	(523)
Chi phí QLDN	(300)	(300)	(461)	(478)
<b>Lợi nhuận từ HKKD</b>	<b>278</b>	<b>367</b>	<b>430</b>	<b>422</b>
Lãi/lỗ khác	6	3	(26)	5
Lợi nhuận trước thuế	283	371	404	428
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>237</b>	<b>313</b>	<b>356</b>	<b>380</b>
<b>LNST cổ đông Công ty mẹ</b>	<b>171</b>	<b>236</b>	<b>301</b>	<b>324</b>

Báo cáo LCTT (Tỷ đồng)	2020	2021	2022	2023
LCT thuần từ HKKD	448	547	474	416
LCT thuần từ Hoạt động đầu tư	(327)	(663)	(506)	(533)
LCT thuần từ Hoạt động tài chính	(30)	144	(3)	361
<b>LCT thuần trong kỳ</b>	<b>91</b>	<b>28</b>	<b>(35)</b>	<b>245</b>
Tiền & tương đương tiền đầu kỳ	270	362	390	372
<b>Tiền &amp; tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>361</b>	<b>390</b>	<b>372</b>	<b>609</b>

Chỉ số tài chính	2020	2021	2022	2023
<b>Khả năng thanh toán</b>				
Khả năng thanh toán hiện hành	1.52	1.48	1.32	1.19
Khả năng thanh toán nhanh	0.81	0.78	0.74	0.70
Khả năng thanh toán tiền mặt	0.18	0.15	0.13	0.19
Khả năng thanh toán lãi vay	3.03	4.90	4.70	4.22
<b>Cơ cấu vốn</b>				
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0.46	0.43	0.44	0.45
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0.54	0.57	0.56	0.55
Nợ vay/Vốn chủ sở hữu (D/E)	0.53	0.55	0.46	0.47

Chỉ số hiệu suất hoạt động	2020	2021	2022	2023
Số ngày phải thu	85.20	75.81	68.39	63.70
Số ngày phải trả	53.72	54.45	48.05	45.79
Số ngày tồn kho	22.81	24.75	20.81	7.17
<b>Khả năng sinh lời</b>				
Tỷ suất lợi nhuận gộp	18.8%	17.7%	18.7%	18.5%
Tỷ suất lợi nhuận HKKD	5.6%	6.3%	5.7%	5.6%
Tỷ suất LNST của cổ đông Công ty mẹ	3.5%	4.0%	4.0%	4.3%
ROE	8.8%	11.4%	13.1%	12.3%
ROA	3.5%	4.3%	4.7%	4.7%
ROIC	1.3%	1.5%	1.3%	0.0%

Bảng cân đối kế toán (Tỷ đồng)	2020	2021	2022	2023
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	361	390	372	609
+ Đầu tư ngắn hạn	1,069	1,223	1,286	1,043
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	1,264	1,578	1,770	1,682
+ Hàng tồn kho	202	448	255	237
+ Tài sản ngắn hạn khác	159	101	121	107
<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>3,055</b>	<b>3,740</b>	<b>3,803</b>	<b>3,678</b>
+ Các khoản phải thu dài hạn	25	27	51	35
+ Tài sản cố định	1,183	1,151	2,312	2,254
+ Bất động sản đầu tư	0	0	0	0
+ Tài sản dở dang dài hạn	464	706	264	839
+ Đầu tư dài hạn	123	64	74	86
+ Tài sản dài hạn khác	251	308	418	387
<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>2,046</b>	<b>2,256</b>	<b>3,119</b>	<b>3,601</b>

Tổng Tài sản	5,101	5,996	6,923	7,279
+ Vay ngắn hạn	554	582	542	949
+ Phải trả người bán	699	736	893	800
+ Nợ ngắn hạn khác	756	1,205	1,446	1,346
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>2,008</b>	<b>2,523</b>	<b>2,881</b>	<b>3,095</b>
+ Vay dài hạn	689	839	872	820
+ Các khoản phải trả dài hạn khác	59	44	94	90
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>748</b>	<b>883</b>	<b>966</b>	<b>910</b>
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>2,756</b>	<b>3,406</b>	<b>3,847</b>	<b>4,006</b>
+ Vốn cổ phần	1,000	1,000	1,500	1,900
+ Thặng dư vốn cổ phần	600	600	331	27
+ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	227	435	370	303
+ Quỹ khác	0	0	0	0
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>2,345</b>	<b>2,590</b>	<b>3,076</b>	<b>3,274</b>
<b>Tổng cộng nguồn vốn</b>	<b>5,101</b>	<b>5,996</b>	<b>6,923</b>	<b>7,279</b>

Tỷ lệ tăng trưởng (%)	2020	2021	2022	2023
Tăng trưởng doanh thu	-2.1%	18.7%	30.1%	0.0%
Tăng trưởng LNNT	6.2%	30.9%	9.0%	0.0%
Tăng trưởng LNST Cổ đông Công ty mẹ	-50.9%	38.6%	27.4%	7.7%
Tăng trưởng EPS	-50.0%	38.0%	-11.3%	-19.7%
Tăng trưởng VCSH	0.0%	0.0%	50.0%	0.0%
Tăng trưởng Tổng tài sản	8.0%	17.5%	15.5%	0.0%

Định giá (lần)	2020	2021	2022	2023
P/E	30.24	17.78	19.99	31.39
P/B	2.53	1.86	2.48	3.69
EV/EBITDA	12.74	9.77	10.81	15.45
EV/Sales	1.19	0.94	1.01	-
EPS (đồng/cp)	1,640	2,263	2,008	1,612
BVPS (đồng/cp)	19,604	21,690	16,204	13,705

## GIỚI HẠN CỦA BÁO CÁO VÀ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

- 1) Các thông tin định giá trong báo cáo này chỉ nhằm tư vấn đánh giá tín dụng cho cổ phiếu và sử dụng cho các mục đích nội bộ của CTCP Chứng khoán An Bình ("Chúng tôi"). Báo cáo này không bao gồm hàm ý định giá giá trị doanh nghiệp và được sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.
- 2) Kết quả đánh giá tín dụng chỉ phản ánh giá trị của tài sản tại thời điểm đánh giá.
- 3) Mặc dù tất cả thông tin trình bày trong báo cáo này được thu thập hoặc phát triển từ nguồn thông tin công khai mà Chúng tôi cho là đáng tin cậy, (các) tác giả của báo cáo này, CTCP Chứng khoán An Bình hay thành viên Hội đồng Quản trị, cán bộ hay nhân viên của CTCP Chứng khoán An Bình không đưa ra bất kỳ tuyên bố, cam đoan hay bảo đảm nào, dù rõ ràng hay ngụ ý, về sự chính xác, tính trung thực hay sự đầy đủ của các thông tin đó.
- 4) Không có bên nào khác được quyền căn cứ vào bất kỳ phần nào của bản báo cáo của Chúng tôi hay các thông tin liên quan trừ khi được cho phép bằng văn bản của Chúng tôi. CTCP Chứng khoán An Bình không chịu bất cứ trách nhiệm nào xảy ra từ việc sử dụng trái phép báo cáo.